

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2004/TT-BTC ngày 17/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
KCN BIÊN HÒA I - ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(QUÝ 4 - 2009)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	MãSố	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.164.271.085.307	1.141.233.328.778
1	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	666.476.933.005	460.128.385.480
2	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	19.988.502.152	
3	CÁC KHOẢN PHẢI THU	130	165.532.489.223	248.324.812.195
4	HÀNG TỒN KHO	140	300.666.897.061	404.315.176.833
5	TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150	11.606.263.866	28.464.954.270
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.114.874.562.934	1.518.589.457.741
1	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN			
2	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	210	188.729.517.465	403.102.589.782
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	212	347.210.250.391	347.367.169.248
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	213	(233.964.647.872)	(250.693.942.156)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	218	14.416.740.178	14.416.740.178
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	219	(1.790.455.321)	(2.353.033.287)
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		62.857.630.089	294.365.655.799
3	BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ		10.020.276.000	10.098.457.819
	- Nguyên giá		11.133.640.000	11.211.821.819
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.113.364.000)	(1.113.364.000)
4	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	220	803.140.862.332	989.594.515.039
5	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	241	112.983.907.137	115.793.895.101
III	TỔNG TÀI SẢN	250	2.279.145.648.241	2.659.822.786.519
IV	NỢ PHẢI TRẢ	300	70.476.975.213	232.635.931.332
1	NỢ NGẮN HẠN	310	70.120.198.697	232.359.471.369

2	NỢ DÀI HẠN	320	356.776.516	276.459.963
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2.208.668.673.028	2.427.186.855.187
1	VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	2.208.282.494.233	2.415.612.617.153
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	654.000.000.000	654.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	418	1.563.030.722.378	1.571.606.720.534
	- Cổ phiếu quỹ	412	(57.562.018.435)	(34.537.216.591)
	- Các quỹ	413	124.711.858.833	145.525.736.791
	- Lợi nhuận chưa phân phối	416	(75.898.068.543)	79.017.376.419
2	NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	420	386.178.795	11.574.238.034
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	430	2.279.145.648.241	2.659.822.786.519

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(QUÝ 4 - 2009)

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý IV	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	166.270.275.280	425.469.260.981
2	Các khoản giảm trừ		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	166.270.275.280	425.469.260.981
4	Giá vốn hàng bán	140.770.164.310	393.247.002.748
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	25.500.110.970	32.222.258.233
6	Doanh thu hoạt động tài chính	67.108.983.146	139.049.666.589
7	Chi phí tài chính	33.640.030.418	(153.187.766.191)
8	Chi phí bán hàng	5.966.022.915	14.919.711.829
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.057.116.490	27.619.273.827
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.945.924.293	281.920.705.357
11	Thu nhập khác		1.161.828.808
12	Chi phí khác		474.821.666
13	Lợi nhuận khác	-	687.007.142
14	Lợi nhuận trước thuế	37.945.924.293	282.607.712.499
15	Thuế thu nhập phải nộp	14.917.830.067	27.810.856.725
16	Lợi nhuận sau thuế	23.028.094.226	254.796.855.774
17	Thu nhập trên mỗi cổ phần	359	4.012
18	Cổ tức trên mỗi cổ phần		

Ngày 25 Tháng 01 Năm 2009

Tổng giám đốc